

câu hỏi: **WEM?**

Dativ → cách 3,
gián cách, tặng cách

1. Dativobjekt: tân ngữ gián tiếp
• danh từ hoặc đại từ đứng sau
những **động từ đòi Dativ**
(helfen, gehören, schaden.....)
- ich **helfe dem Kind**. Ich helfe **ihm**.

Không làm lộn **DATIV** (cách 3)
với **DATIVOBJEKT** (tân ngữ
gián tiếp)
• **Dativ** đứng sau giới từ đòi Dativ
• **Dativobjekt** đứng sau động từ
hay tính từ đòi Dativ

2. Dativobjekt: tân ngữ gián tiếp
• danh từ hoặc đại từ đứng sau
những **tính từ đòi Dativ**
(ähnlich, böse, behilflich, treu.....)
- ich bin **meiner Frau treu**.
- ich bin **ihr treu**.

3. Freier Dativ: tặng cách tự do, không
tùy thuộc vào động từ
• **làm cho ai việc gì**
- Sie wäscht **ihm** die Hände.
• **tặng cách sở hữu**
- **Mir** zittern die Hände.

DATIV

4. Dativ do sự **đánh giá** (theo tôi thì...)
- Er fährt **mir viel zu schnell**.
- Die Hose ist **ihm zu eng**.

5. Dativ: do sự cảm xúc qua hành
động hay trạng thái (giữa ngôi thứ
nhất và ngôi thứ hai):
• Komm mir bitte nicht zu spät!
• Das war mir eine tolle Vorstellung!

6. Dativ vì đứng sau một **giới từ đòi Dativ**
• mit, bei, zu, nach, gegenüber, aus, von, seit...
- Die Kinder spielen **mit** ihren Freunden.
- Er wohnt noch **bei** seinen Eltern.
- **Nach** dem Essen gehen wir spazieren.

7. Dativ diễn đạt **cái lợi** hay **cái hại** cho ai:
- Der Junge trägt **dem Gast** den Koffer zum Taxi.
- Er hat **seiner Mutter** die teure Vase zerbrochen.

Liste động từ đi với Dativ

Liste tính từ đi với Dativ

http://www.directupload.net/file/d/3469/ztfvqwol_pdf.htm